

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂY HỒ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 31/3/2022

V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chu Thực

2. Bà Nguyễn Thị Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Ngọc Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tây Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T** - sinh năm 1971. *(Có mặt)*.

HKTT: Tổ A, phường N, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số N, phường N, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

**- Bị đơn: Anh Phạm Quang T1** - sinh năm 1972. *(Vắng mặt)*.

HKTT: Đội L, phường L, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số J, phường N, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị T và anh Phạm Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2007 tại UBND phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Cả hai kết hôn lần thứ hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 có cách hành xử không đúng mực với con riêng của chị là cháu Lý Khánh Hà, anh T1 hay đánh, mắng chửi cháu Hà, dẫn đến giữa hai vợ chồng luôn căng thẳng; Bản thân anh T1 cũng không có sự quan tâm, chăm sóc đến vợ con và cuộc sống gia đình, để mặc kinh tế trong gia đình cho một mình chị T lo toan. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì chị T đã cố gắng tìm cách để hai bên hòa giải, nhưng anh T1 không thể thay đổi được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Hai bên đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, anh chị độc lập về kinh tế, cuộc sống hàng ngày, không còn quan tâm đến nhau.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết yêu cầu ly hôn của chị đối với anh T1, chị T cũng đã thông báo và trao đổi với anh T1 để anh đến Tòa giải quyết theo quy định pháp luật, nhưng anh T1 cố tình không đến và không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân quận Tây Hồ.

Nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm gì, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có một con chung là: Cháu Phạm T1 D – sinh ngày 19/8/2008.

Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu D đều ở với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị không đề nghị anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Hiện chị T đang làm kinh doanh tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000 đồng. Nếu được giao nuôi cháu D thì chị và cháu D sẽ về ở cùng con gái (cháu Lý Khánh Hà) và con rể tại địa chỉ: P1901, Tòa E4, khu đô thị Ciputra, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

*Về tài sản chung, nhà đất, công nợ:* Chị T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phạm Quang T1:* Đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T1 luôn vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lấy lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải theo quy định của pháp luật được.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

*Nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Quang T1, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng tiếp tục.

*Về con chung:* Chị T đề nghị được nuôi con chung là cháu Phạm T1 D, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đối với Bị đơn anh Phạm Quang T1 để triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc ở Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhận thấy về thủ tục tố tụng, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như xét xử, nên việc Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T .

*Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ .*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền :

Đơn khởi kiện của chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn chồng là anh Phạm Quang T1, đồng thời đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, bị đơn anh Phạm Quang T1 cư trú tại Số 2 ngách 406/29 Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Việc Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết về ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ cho bị đơn về các lần mở phiên tòa xét xử vụ án. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, bị đơn anh T1 tiếp tục vắng mặt không

có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi nghị bàn, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị T và anh Phạm Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/11/2007 tại UBND phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T, anh T1 phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, anh T1 có hành vi bạo lực cũng như có lời nói xúc phạm vợ. Hai anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, việc tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành hòa giải, nhưng chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn với anh T1.

Kết quả xác minh tại địa phương và ý kiến của con chung cũng thể hiện mâu thuẫn của anh chị là có thật. Nhiều lần xảy ra xô xát tổ dân phố, chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống phải can thiệp.

Bị đơn anh Phạm Quang T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T1 luôn vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lấy lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ theo quy định của pháp luật được.

Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến trình bày của chị T, và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, xác định mâu thuẫn ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị. Xét thấy Cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T1 đã không còn tuân thủ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung:

Chị Lương Thị T và anh Phạm Quang T1 có 01 con chung là: Cháu Phạm T1 D – sinh ngày 19/8/2008.

Hiện cháu D đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đề nghị của đương sự và ý kiến của con chung đã trình bày tại Tòa án, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các cháu; Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để giao cháu Phạm T1 D cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác;

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Chị Lương Thị T và anh Phạm Quang T1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lương Thị T. Chị Lương Thị T được ly hôn với bi đơn anh Phạm Quang T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm T1 D – sinh ngày 19/8/2008 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1 đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác;

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0032650 ngày 01/12/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Chị Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Quang T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

1. TAND TP Hà Nội;
2. VKSND quận Tây Hồ;
3. Các đương sự;
4. Chi cục THADS quận Tây Hồ;
5. Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Thị Diệp**